

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2024.
V/v tranh chấp về ly hôn và con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn;
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HN ngày 11 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị [Hò Thị Thanh T](#), sinh năm: 1993.

Địa chỉ: [Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh [Phạm Văn L](#), sinh năm 1990.

Địa chỉ: [Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị [Hồ Thị Thanh T](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh [L](#) chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện G, Tây Ninh](#) ngày 04/3/2013. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gổ nhau nhiều lần, ngoài ra, anh [L](#) sống không lo lắng gì cho gia đình, vợ con, sống chung nhưng không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống, cùng thời gian đó chị và anh [L](#) sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị cũng không gặp nhau hòa giải hàn gắn gia đình được. Nên nay nhận thấy không thể sống chung được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh [Phạm Văn L](#).

Về con chung: Chị và anh [L](#) có 02 con chung tên [Phạm Hồ Thanh N](#), sinh ngày 17/5/2012 và [Phạm Hồ Quang V](#), sinh ngày 19/4/2019, hiện tại con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh [L](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn – anh [Phạm Văn L](#):

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh [L](#) không đến để trình bày theo yêu cầu của Tòa án cũng như không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp anh vẫn còn hộ khẩu ở địa phương nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh [L](#) theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị [Hò Thi Thanh T](#) có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh [Phạm Văn L](#) đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị [T](#), anh [L](#) là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Hò Thi Thanh T](#), cho chị [T](#) được ly hôn với anh [Phạm Văn L](#). Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao 02 con chung tên [Phạm Hồ Thanh N](#), sinh ngày 17/5/2012 và [Phạm Hồ Quang V](#), sinh ngày 19/4/2019 cho chị [T](#) tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị [T](#) không yêu cầu anh [L](#) cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị [T](#) trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chị [T](#) phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị [Hò Thi Thanh T](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh [Phạm Văn L](#) được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị [T](#), anh [L](#) theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Hò Thi Thanh T](#) và anh [Phạm Văn L](#) trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện G, Tây Ninh](#) ngày 04/3/2013 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị [T](#) trình bày mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng thường bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gổ nhau nhiều lần. Ngoài ra, anh [L](#) sống không lo lắng gì cho gia đình, vợ con, sống chung nhưng không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2019 cho đến nay. Từ ngày ly thân đến nay, cả hai cũng không hòa giải, hàn gắn gia đình được. Mặt khác, anh [L](#) không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án, cố tình vắng mặt không đến, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị [T](#). Do đó, căn cứ vào Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Hồ Thị Thanh T và anh Phạm Văn L có 02 con chung tên Phạm Hồ Thanh N, sinh ngày 17/5/2012 và Phạm Hồ Quang V, sinh ngày 19/4/2019, hiện tại con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại 02 cháu N và V đang sống chung với chị T, từ ngày ly thân cho đến nay chị T vẫn nuôi con tốt. Mặt khác, cháu N đã trên 07 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do vậy, cần giao 02 cháu N và V cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy nên ghi nhận.

Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Hồ Thị Thanh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Thanh T với anh Phạm Văn L.

Chị Hồ Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao 02 cháu [Phạm Hồ Thanh N](#), sinh ngày 17/5/2012 và [Phạm Hồ Quang V](#), sinh ngày 19/4/2019 cho chị [Hồ Thị Thanh T](#) tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh [Phạm Văn L](#) không phải cấp dưỡng nuôi con do chị [T](#) không yêu cầu.

Anh [Phạm Văn L](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị [Hồ Thị Thanh T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị [Hồ Thị Thanh T](#) trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị [Hồ Thị Thanh T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị [T](#) đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0013577 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Chị [Hồ Thị Thanh T](#) đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh [Phạm Văn L](#) không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị [T](#), anh [L](#) có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- UBND xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

